CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/NTF/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD

Địa chỉ: Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 38267999 Fax: (028) 39435949

E-mail: nutifood@nutifood.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0301951270

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN GIPPSNATURE PLATINUM 40+**

2. Thành phần: Sữa (96 %) (nước, sữa bột, chất béo sữa), maltodextrin, mật ong Manuka (0,9 %), chất xơ thực phẩm (Inulin), hỗn hợp calci và khoáng từ sữa, hương liệu tự nhiên, chất nhũ hóa (322(i)), chất ổn định (418(i), 407), vitamin D3.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: hộp 200 ml.
- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong hộp giấy tiệt trùng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại Việt Nam.

- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng NutiFood Bình Dương (ký hiệu 1).

Địa chỉ: Lô E3, E4 Khu Công Nghiệp Mỹ Phước, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng NutiFood Cao Nguyên (ký hiệu 2).

Địa chỉ: Lô E1-E2-E3 (G3-G2-G1, theo CV số 41/QĐ-BQL ngày 30/5/2012) Khu Công Nghiệp Trà Đa, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng NutiFood Việt Nam (ký hiệu 3).

Địa chỉ: Đường C3 khu C, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: chi tiết theo nhãn sản phẩm đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Theo quy định của văn bản kỹ thuật:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 5-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 17/26/GIPPSNATURE PLATINUM: theo như Bảng thông tin chi tiết về sản phẩm đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0301951270 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ LỆ

Keep sealed until use

Không vặn nắp khi chưa dùng

M.S.D.N: 0301951270 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ViPlus Nutritional Australia*

AUSTRALIA NUTRITION SCIENCE***

ViPlus Nutritional Australia*

GippsNature

PLATINUM

40+

CÔNG THỨC CALCI CAO

VỊ NGỌT TỰ NHIÊN TỪ MẬT ONG MANUKA

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Thể tích thực: 200 ml

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN

THÔNG TIN DINH DƯỠNG / NUTRITION FACTS
GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH / AVERAGE VALUE

Thành phần Composition	Đơn vị Unit	Trong 200 ml Per 200 ml	Thành phần Composition	Đơn vị Unit	Trong 200 ml Per 200 ml
Năng lượng / Energy	kcal	107	Calci / Calcium	mg	350
Chất đạm / Protein	g	6,4	Phospho / Phosphorus	mg	191
Chất béo / Fat	g	3,0	Magnesi / Magnesium	mg	21
Carbohydrat / Carbohydrate	g	13	Kẽm / Zinc	mg	0,6
Đường tổng số / Total sugars	g	9	Selen / Selenium	µg	1,80
Chất xơ / Dietary fiber	g	1,44	Natri / Sodium	mg	50
Lysin / Lysine	mg	478	Kali / Potassium	mg	200
Vitamin B2	µg	206	Clorid / Chloride	mg	120
Vitamin D3	IU	270			

Hàm lượng các chất không thấp hơn 80 % giá trị ghi nhãn./
The content of nutrients is not less than 80 % value on the label.

THÀNH PHẦN:
Sữa (96 %) (nước, sữa bột, chất béo sữa), maltodextrin, mật ong Manuka (0,9 %), chất xơ thực phẩm (Inulin), hỗn hợp calci và khoáng từ sữa, hương liệu tự nhiên, chất nhũ hóa (322(i)), chất ổn định (418(i), 407), Vitamin D3.
Có chứa sữa, đậu nành.
Không dùng cho người mẫn cảm với thành phần sản phẩm.

KHÔNG SỬ DỤNG CHẤT BẢO QUẢN.

CÁCH DÙNG:
Lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm sử dụng cho 1 lần uống.
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.
Lượng dùng khuyến nghị: 3 hộp/ ngày.
Đối tượng sử dụng: Dùng cho người trên 18 tuổi.

8 935049 021353

GippsNature Platinum 40+ là nguồn dinh dưỡng chất lượng với **100% Calci từ sữa**** giúp xương chắc khỏe, bổ sung **Inulin** hỗ trợ sức khỏe hệ đường ruột, kết hợp **mật ong Manuka** tạo vị ngọt tự nhiên và hỗ trợ cải thiện sức khỏe.



100% CALCI SỮA**
giúp xương chắc khỏe cùng **Vitamin D3** hỗ trợ hấp thu Calci hiệu quả.

MẬT ONG MANUKA
tạo vị ngọt tự nhiên và hỗ trợ cải thiện sức khỏe.

CHẤT XƠ INULIN
hỗ trợ sức khỏe hệ đường ruột.

*GippsNature là thương hiệu của ViPlus Nutritional Australia Pty Ltd. 67 Toora Jetty Road, Toora VIC 3962, Úc.
**Calci sữa là tổng lượng calci từ các thành phần, nguyên liệu có nguồn gốc từ sữa: sữa bột, hỗn hợp calci và khoáng từ sữa.
***Công thức được hợp tác nghiên cứu và phát triển bởi ViPlus Nutritional Australia Pty Ltd. 67 Toora Jetty Road, Toora VIC 3962, Úc và Australia Nutrition Science Pty Ltd. 159-171 Wellington Road, Clayton, VIC 3168, Úc.

Công bố bởi: Công ty CP Thực Phẩm Dinh Dưỡng Nutifood
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất tại Việt Nam
www.gippsnature.com.au
Hạn sử dụng và Ngày sản xuất: xem trên hộp.
CBSP số:

CHUYÊN GIA TƯ VẤN DINH DƯỠNG
(028) 38 255 777
Email: nutifood@nutifood.com.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202530

Mã số EoI : 005-32410-575571
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN GIPPSNATURE PLATINUM 40+
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 22/10/2025 - 25/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD347 VD (a) *Enterobacteriaceae*	cfu/ ml	ISO 21528-2:2017	**Không phát hiện (LOD=1)**
2	VD390 VD (a) *Listeria monocytogenes*	cfu/ ml	ISO 11290-2:2017	**Không phát hiện (LOD=1)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N: 0311526885 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202531

Mã số EoI : 005-32410-575572
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN GIPPSNATURE PLATINUM 40+
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/10/2025 - 27/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD855 VD (a) **Cadimi (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
2	VD860 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
3	VD856 VD (a) **Arsen (As)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
4	VD857 VD (a) **Thủy ngân (Hg)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.007)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N: 0311626885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202532

Mã số EoI : 005-32410-575573
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN GIPPSNATURE PLATINUM 40+
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/10/2025 - 27/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD640 VD (a) **Aflatoxin M1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
2	VD020 VD (a) **Melamine**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	**Không phát hiện (LOD=0.05)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202534

Mã số EoI : 005-32410-575575
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN GIPPSNATURE PLATINUM 40+
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 23/10/2025 - 27/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD50G VD (a) **Các thuốc BVTV được kiểm (GC-MS/MS)**		EVN-R-RD-1-TP-11841 & 16209 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện**
2	VD50L VD (a) **Các thuốc BVTV được kiểm (LC-MS/MS)**		EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Ref. QuPPe-Method, AppNote 9/2013, GERSTEL)	**Không phát hiện**

KẾT LUẬN
Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp theo Thông tư 50/2016/TT-BYT (Ban hành "Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm) - đối với sữa gia súc; sữa và sữa nguyên liệu dựa trên mẫu thử mà khách hàng đã cung cấp.

Danh sách chất được kiểm (LOQ = Giới hạn định lượng)

VD50G VD Thuốc bảo vệ thực vật (TT50) (GC-MS/MS) (mg/kg)

Aldrin / Dieldrin (0.002)
(a) Cyfluthrin/beta-cyfluthrin (0.01)
(a) Dichlobenil (0.01)
(a) Fenpropathrin (0.01)
Methidathion (0.0005)
(a) Bifenthrin (0.01)
(a) Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin) (0.01)
Dithiocarbamates (0.01)
(a) Fenvalerate (0.01)
(a) Trinexapac-ethyl (0.01)
Chlordane (0.001)
(a) DDT (0.01)
(a) Endosulfan (0.01)
Heptachlor (0.002)
Chlorothalonil (0.01)
(a) Deltamethrin (0.01)
(a) Fenitrothion (0.01)
(a) Lindane (0.01)

VD50L VD Thuốc bảo vệ thực vật (TT50) (LC-MS/MS) (mg/kg)

2,4-D (0.01)
(a) Aldicarb (0.01)
(a) Azoxystrobin (0.01)
(a) Bitertanol (0.01)
(a) Carbendazim (0.01)
(a) Chlorpyrifos (0.01)
(a) Clothianidin (0.01)
(a) Cypermethrins (including alpha- and zeta - cypermethrin) (0.01)
(a) Diazinon (0.01)
(a) Diflubenzuron (0.01)
Dimethomorph (0.002)
Disulfoton (0.01)
(a) Ethoprophos (0.01)
(a) Fenamidone (0.01)
(a) Fenhexamid (0.01)
(a) Flubendiamide (0.01)
(a) Fluopicolide (0.01)
(a) Fluxapyroxad (0.01)
(a) Hexythiazox (0.01)
(a) Imidacloprid (0.01)
(a) Kresoxim-Methyl (0.01)
(a) Methamidophos (0.01)
(a) Metrafenone (0.01)
(a) Oxydemeton-Methyl (0.01)
(a) Permethrin (0.01)
(a) Pirimicarb (0.01)
(a) Propamocarb (0.01)
(a) Pyraclostrobin (0.01)
(a) Sedaxane (0.01)
Spirotetramate (0.01)
(a) Terbufos (0.01)
(a) Triadimefon (0.01)
(a) Triforine (0.01)
Abamectin (0.003)
Aminocyclopyrachlor (0.01)
(a) Bentazone (0.01)
(a) Boscalid (0.01)
(a) Chlorantraniliprole (0.01)
(a) Chlorpyrifos-Methyl (0.01)
(a) Cyantraniliprole (0.01)
(a) Cyproconazole (0.01)
Dicamba (0.01)
Dimethenamid-P (0.01)
(a) Dinotefuran (0.01)
Dithianon (0.005)
(a) Etofenprox (0.01)
Fenamiphos (0.002)
(a) Fenpropimorph (0.01)
(a) Fludioxonil (0.01)
(a) Fluopyram (0.01)
Glufosinate-Ammonium (0.01)
Imazamox (0.01)
(a) Indoxacarb (0.01)
(a) MCPA (0.01)
(a) Methomyl (0.01)
(a) Myclobutanil (0.01)
Paraquat (0.002)
(a) Phorate (0.01)
(a) Pirimiphos-Methyl (0.01)
(a) Propargite (0.01)
(a) Pyrimethanil (0.01)
(a) Spinetoram (0.01)
(a) Sulfoxaflor (0.01)
(a) Thiabendazole (0.01)
(a) Triadimenol (0.01)
(a) Acephate (0.01)
Aminopyralid (0.01)
(a) Benzovindiflupyr (0.01)
(a) Buprofezin (0.01)
Chlormequat (0.01)
(a) Clethodim (0.01)
(a) Cycloxydim (0.01)
Cyprodinil (0.0005)
Dichlorvos (0.005)
Dimethipin (0.01)
Diphenylamine (0.0002)
(a) Emamectin benzoate (0.01)
(a) Etoxazole (0.01)
(a) Fenbuconazole (0.01)
Fenpyroximate (0.002)
(a) Flufenoxuron (0.01)
(a) Flusilazole (0.01)
Glyphosate (0.01)
(a) Imazapic (0.01)
(a) Isopyrazam (0.01)
(a) Mesotrione (0.01)
(a) Methoprene (0.01)
(a) Novaluron (0.01)
(a) Penconazole (0.01)
(a) Phosmet (0.01)
(a) Prochloraz (0.01)
(a) Propiconazole (0.01)
(a) Quinoxyfen (0.01)
Spinosad (0.01)
(a) Tebuconazole (0.01)
(a) Thiacloprid (0.01)
(a) Trifloxystrobin (0.01)
(a) Acetamiprid (0.01)
(a) Amitraz (0.01)
(a) Bifenazate (0.01)
(a) Carbaryl (0.01)
Chlorpropham (0.0002)
(a) Clofentezine (0.01)
(a) Cyflumetofen (0.01)
(a) Cyromazine (0.01)
Difenoconazole (0.002)
(a) Dimethoate (0.01)
(a) Diquat (0.01)
Ethephon (0.01)
(a) Famoxadone (0.01)
Fenbutatin Oxide (0.01)
(a) Fipronil (0.01)
(a) Flumethrin (0.01)
(a) Flutolanil (0.01)
(a) Haloxyfop (0.01)
(a) Imazapyr (0.01)
(a) Isoxaflutole (0.01)
(a) Metaflumizone (0.01)
(a) Methoxyfenozide (0.01)
(a) Oxamyl (0.01)
(a) Penthiopyrad (0.01)
(a) Piperonyl Butoxide (0.01)
(a) Profenofos (0.01)
(a) Prothioconazole (0.01)
Saflufenacil (0.01)
(a) Spirodiclofen (0.01)
(a) Tebufenozide (0.01)
(a) Thiamethoxam (0.01)
(a) Triflumizole (0.01)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00202534

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202533

Mã số EoI : 005-32410-575574
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN GIPPSNATURE PLATINUM 40+
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 23/10/2025 - 27/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDNTL VD **Các thuốc thú y được kiểm (LC-MS/MS)**		EVN-R-RD-1-TP-4847	**Không phát hiện**
2	VDNTG VD (a) **Các thuốc thú y được kiểm (GC-MS/MS)**		EVN-R-RD-1-TP-4847	**Không phát hiện**

KẾT LUẬN
Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp theo Thông tư 24/2013/TT-BYT (Ban hành "Quy đinh mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm) - đối với sữa và sữa bò dựa trên mẫu thử mà khách hàng đã cung cấp.

Danh sách chất được kiểm (LOQ = Giới hạn định lượng)

VDNTG VD Thuốc thú y (TT24) (GC-MS/MS) (mg/kg)
Cyfluthrin (0.01), Cyhalothrin (0.01), Deltamethrin (0.01)

VDNTL VD Thuốc thú y (TT24) (LC-MS/MS) (µg/kg)
Albendazole (5), Amoxicillin (5), Benzylpenicillin / Procaine benzylpenicillin (5), Ceftiofur (5), Chlortetracycline (50), Clenbuterol (0.025), Colistin (5), Dexamethasone (0.3), Dihydrostreptomycin/ Streptomycin (5), Diminazene (5), Doramectin (5), Eprinomectin (10), Febantel (5), Fenbendazole (5), Gentamicin (5), Imidocarb (5), Isometamidium (5), Ivermectin (5), Lincomycin (5), Monensin (5), Neomycin (10), Oxfendazole (5), Oxytetracycline (50), Pirlimycin (5), Spectinomycin (5), Spiramycin (5), Sulfadimidine (5), Tetracycline (50), Tylosin (5)

VDNTL VD Thuốc thú y (TT24) (LC-MS/MS) (mg/kg)
Cypermethrin / Alpha-cypermethrin (0.02), Thiabendazole (0.01), Trichlorfon (Metrifonate) (0.01)

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-10745ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/12/2025

1. Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC PHA SẴN GIPPSNATURE PLATINUM 40+**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên hộp.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

5. Thời gian thử nghiệm : 28/10/2025 - 04/11/2025

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD**
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02,03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Ngô Quốc Việt

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam Binh Thai ward, HCMC, Vietnam

KT3-10745ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo (≥)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng protein, g/100 mL	TCVN 8099-1:2015 Phương pháp Kjeldahl		-	3,32
7.2. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 mL	AOAC 2020.07		-	7,33
7.3. Hàm lượng đường tổng số(1), g/100 mL	QUATEST3 1222:2024 (Ref: AOAC 2018.16)		-	5,03
7.4. Hàm lượng béo, g/100 mL	QUATEST3 1056:2023 (Có thủy phân)		-	1,67
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 mL	QUATEST3 1106:2023 (Ref: AOAC 2015.06)	-		37,2
7.6. Hàm lượng canxi, mg/100 mL	QUATEST3 1106:2023 (Ref: AOAC 2015.06)	-		166
7.7. Hàm lượng phốt pho, mg/100 mL	QUATEST3 1106:2023 (Ref: AOAC 2015.06)	-		123
7.8. Hàm lượng kali, mg/100 mL	QUATEST3 1106:2023 (Ref: AOAC 2015.06)	-		157
7.9. Hàm lượng chất xơ tổng số, g/100 mL	AOAC 2022.01	-		2,22
7.10. Năng lượng(*) • kcal/100 mL	QTTN/KT3 024 : 2018		-	58
7.11. Hàm lượng vitamin D3 (cholecalciferol), IU/100 mL	QUATEST3 1132:2023 (Ref: AOAC 2011.11)	-		126
7.12. Hàm lượng lysine, mg/100 mL	QUATEST3 1177:2023 (Ref: AOAC 994.12)		-	270
7.13. Hàm lượng magie, mg/100 mL	QUATEST3 1106:2023 (Ref: AOAC 2015.06)	-		14,6
7.14. Hàm lượng kẽm, mg/100 mL	QUATEST3 1106:2023 (Ref: AOAC 2015.06)	-		0,45

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-10745ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo (≥)	Kết quả thử nghiệm
7.15. Hàm lượng clorua, mg/100 mL	TCVN 10580:2014		-	90,5
7.16. Hàm lượng selen, µg/100 mL	QUATEST3 1106:2023 (Ref: AOAC 2015.06)	-		2,30
7.17. Hàm lượng vitamin B2 (riboflavin), µg/100 mL	QUATEST3 1120:2023	-		113

Ghi chú: Hàm lượng protein = 6,38 x Hàm lượng nitơ tổng
(1): Hàm lượng đường tổng số (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose + galactose)

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.